

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	09-33

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên	
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên	
Bà Quek Guet Ngoh	Ủy viên	
Ông Lam Hin Lap Michael	Ủy viên	
Ông Yarmalu Prasad Tantry	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05/06/2023
Ông Lam Wai Man Edward	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 05/06/2023

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Đức	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023



Số: 100823.027/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 31 tháng 07 năm 2023, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2023

T:(84) 24 3824 1990 | F:(84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		128.287.332.364	114.826.641.566
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.748.729.737	14.976.997.877
111	1. Tiền		9.748.729.737	14.976.997.877
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	25.000.000.000	10.026.739.726
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		25.000.000.000	10.026.739.726
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.265.321.660	25.468.849.245
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	11.544.999.996	18.135.784.426
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.316.914.895	5.844.111.060
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	3.739.912.325	1.825.459.316
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(336.505.556)	(336.505.556)
140	IV. Hàng tồn kho	9	72.942.188.596	63.648.883.200
141	1. Hàng tồn kho		73.182.236.324	63.888.930.928
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(240.047.728)	(240.047.728)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.331.092.371	705.171.518
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	782.967.676	306.802.617
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		149.755.794	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	398.368.901	398.368.901
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		29.354.038.566	32.244.116.181
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		20.000.000	20.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	20.000.000	20.000.000
220	II. Tài sản cố định		9.633.011.951	11.703.554.261
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	9.633.011.951	11.703.554.261
222	- Nguyên giá		72.581.459.575	72.581.459.575
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(62.948.447.624)	(60.877.905.314)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		97.244.000	97.244.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(97.244.000)	(97.244.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	427.122.000	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		427.122.000	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	18.175.014.246	19.175.014.246
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.000.014.246	27.000.014.246
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8.825.000.000)	(7.825.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.098.890.369	1.345.547.674
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.098.890.369	1.345.547.674
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		157.641.370.930	147.070.757.747

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		20.228.846.728	21.664.959.370
310	I. Nợ ngắn hạn		20.228.846.728	21.664.959.370
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3.634.097.804	4.142.593.816
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	554.588.076	221.066.942
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.056.253.983	4.077.771.718
314	4. Phải trả người lao động		4.145.227.248	6.577.433.412
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.163.047.799	3.218.899.442
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.505.675.068	3.191.187.290
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	2.732.600.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		437.356.750	236.006.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		137.412.524.202	125.405.798.377
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	137.412.524.202	125.405.798.377
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		72.539.110.000	72.539.110.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		72.539.110.000	72.539.110.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.016.053.718	1.016.053.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		36.632.812.659	26.548.272.308
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		27.224.547.825	25.302.362.351
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.251.056.683	6.701.065.757
421b	LNST chưa phân phối năm nay		19.973.491.142	18.601.296.594
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		157.641.370.930	147.070.757.747

Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	207.239.775.326	211.858.363.335
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	3.260.827.040	5.597.912.048
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		203.978.948.286	206.260.451.287
11	4. Giá vốn hàng bán	24	161.606.835.251	168.873.343.055
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.372.113.035	37.387.108.232
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.519.579.022	145.446.477
22	7. Chi phí tài chính	26	4.570.526.514	3.119.489.579
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	153.142.840
25	8. Chi phí bán hàng	27	5.434.718.858	4.781.243.848
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	9.215.011.410	7.775.089.631
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.671.435.275	21.856.731.651
31	11. Thu nhập khác	29	331.671.504	240.000
32	12. Chi phí khác		2.299.831	100.000
40	13. Lợi nhuận khác		329.371.673	140.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.000.806.948	21.856.871.651
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	5.027.315.806	4.395.068.199
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>19.973.491.142</u>	<u>17.461.803.452</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.753	2.407



Đỗ Thị Lê Mai
Người lập



Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2023	2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		205.716.968.027	196.499.625.688
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(166.469.919.299)	(158.760.003.125)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(20.963.170.650)	(18.794.188.527)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	(166.731.352)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.472.252.672)	(2.060.633.695)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		18.611.117.379	14.056.097.440
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(17.626.996.852)	(15.445.920.694)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>13.795.745.933</i>	<i>15.328.245.735</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.527.825.660)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(28.066.849.315)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		13.093.589.041	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		380.548.177	75.756.041
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(14.592.712.097)</i>	<i>(1.452.069.619)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.732.600.000	27.271.688.700
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(33.988.185.120)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.255.232.000)	(19.879.544.100)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(4.522.632.000)</i>	<i>(26.596.040.520)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(5.319.598.164)	(12.719.864.404)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		14.976.997.877	21.129.476.056
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		91.330.024	(16.172.023)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>9.748.729.737</u>	<u>8.393.439.629</u>

Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 17 tháng 07 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.539.110.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 72.539.110.000 đồng; tương đương 7.253.911 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 277 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 282 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc là chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh với hoạt động chính là kinh doanh pin các loại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ: khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 tháng đến 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi vay phải trả, phải trả về chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về pin, hoạt động dịch vụ chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	36.703.953	106.558.328
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.712.025.784	14.870.439.549
	<u>9.748.729.737</u>	<u>14.976.997.877</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	25.000.000.000	-	10.026.739.726	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	25.000.000.000	-	10.026.739.726	-

(*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu (Eximbank) với lãi suất từ 8%/năm đến 9,6%/năm.

b) Đầu tư vào đơn vị khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (*)	27.000.000.000	(8.825.000.000)	27.000.000.000	(7.825.000.000)
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (EIB)	14.246	-	14.246	-
	27.000.014.246	(8.825.000.000)	27.000.014.246	(7.825.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập và hoạt động tại tỉnh Hà Nam, Việt Nam với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.
Theo Nghị quyết số 117A/2019/NQ-HĐQT/PHN ngày 22 tháng 05 năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đã thông qua phương án tăng vốn tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) và không tham gia góp vốn trong đợt tăng vốn này. Tại thời điểm 01/01/2023 và 30/06/2023, tỷ lệ lợi ích và biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là 9,8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>5.146.776.681</i>	-	<i>7.569.898.823</i>	-
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	241.377.947	-	88.447.987	-
GPI International Limited	3.172.257.088	-	6.328.273.952	-
GP Battery Marketing (HK) Limited	1.733.141.646	-	1.153.176.884	-
<i>Bên khác</i>	<i>6.398.223.315</i>	<i>(336.505.556)</i>	<i>10.565.885.603</i>	<i>(336.505.556)</i>
Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ Toàn Cầu	755.092.800	-	1.276.300.041	-
Các khách hàng khác	5.643.130.515	(336.505.556)	9.289.585.562	(336.505.556)
	<u>11.544.999.996</u>	<u>(336.505.556)</u>	<u>18.135.784.426</u>	<u>(336.505.556)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hán Đô Nghi Quảng Tây	-	-	2.857.460.765	-
- PINGXIANG SHI CHENGTAI TRADING CO.,LTD	647.371.560	-	2.086.419.200	-
- Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên VIMICO	2.036.437.835	-	843.249.329	-
- JIAOZUO CITY HEXING CHEMICAL INDUSTRY CO., LTD	1.626.084.600	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	7.020.900	-	56.981.766	-
	<u>4.316.914.895</u>	<u>-</u>	<u>5.844.111.060</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	746.460.275	-	117.260.274	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	193.444.487	-	206.853.722	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	21.853.558	-	33.447.833	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	15.662.757	-	17.997.237	-
Tạm ứng	201.199.448	-	371.676.748	-
Ký cược, ký quỹ	2.494.321.155	-	1.000.000.000	-
Phải thu khác	66.970.645	-	78.223.502	-
	<u>3.739.912.325</u>	<u>-</u>	<u>1.825.459.316</u>	<u>-</u>
a2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
GPI	24.258.568	-	78.223.524	-
International Limited	6.258.568	-	6.258.568	-
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	18.000.000	-	71.964.956	-
<i>Bên khác</i>	3.715.653.757	-	1.747.235.792	-
Phải thu khác	3.715.653.757	-	1.747.235.792	-
	<u>3.739.912.325</u>	<u>-</u>	<u>1.825.459.316</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

8 . NỢ XẤU

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương	51.540.380	-	51.540.380	-
- Mai Ngọc Hoà	29.360.789	-	29.360.789	-
- Các khoản khác	255.604.387	-	255.604.387	-
	<u>336.505.556</u>	<u>-</u>	<u>336.505.556</u>	<u>-</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	42.747.462.439	(240.047.728)	46.057.838.068	(240.047.728)
Công cụ, dụng cụ	60.245.780	-	40.019.350	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.240.803.476	-	6.478.948.138	-
Thành phẩm	21.749.952.212	-	7.176.527.932	-
Hàng hoá	3.383.772.417	-	4.135.597.440	-
	<u>73.182.236.324</u>	<u>(240.047.728)</u>	<u>63.888.930.928</u>	<u>(240.047.728)</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	427.122.000	-
- Máy đập ống kẽm	427.122.000	-
	<u>427.122.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu kỳ	11.895.731.167		53.832.162.629		6.480.452.415		373.113.364		72.581.459.575
Số dư cuối kỳ	<u>11.895.731.167</u>		<u>53.832.162.629</u>		<u>6.480.452.415</u>		<u>373.113.364</u>		<u>72.581.459.575</u>
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu kỳ	11.895.731.167		43.310.547.363		5.337.010.949		334.615.835		60.877.905.314
- Khấu hao trong kỳ			1.896.110.054		152.570.254		21.862.002		2.070.542.310
Số dư cuối kỳ	<u>11.895.731.167</u>		<u>45.206.657.417</u>		<u>5.489.581.203</u>		<u>356.477.837</u>		<u>62.948.447.624</u>
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu kỳ	-		10.521.615.266		1.143.441.466		38.497.529		11.703.554.261
Tại ngày cuối kỳ	<u>-</u>		<u>8.625.505.212</u>		<u>990.871.212</u>		<u>16.635.527</u>		<u>9.633.011.951</u>
Trong đó:									
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 47.222.732.210 đồng.									

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các phần mềm kế toán đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2023 là 97.244.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	189.717.217	13.343.246
Chi phí mua bảo hiểm	53.547.759	190.573.956
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	397.826.565	102.885.416
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	141.876.135	-
	<u>782.967.676</u>	<u>306.802.617</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	330.593.712	449.623.946
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	646.454.713	549.639.608
Chi phí trả trước dài hạn khác	121.841.944	346.284.120
	<u>1.098.890.369</u>	<u>1.345.547.674</u>

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>1.192.511.009</i>	<i>1.192.511.009</i>	<i>1.637.869.963</i>	<i>1.637.869.963</i>
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	484.431.323	484.431.323	1.637.869.963	1.637.869.963
GPI International (Shenzhen) Limited	708.079.686	708.079.686	-	-
<i>Bên khác</i>	<i>2.441.586.795</i>	<i>2.441.586.795</i>	<i>2.504.723.853</i>	<i>2.504.723.853</i>
Chi nhánh Công ty TNHH Toyota Tsusho Việt Nam Tại TPHCM	-	-	2.102.760.000	2.102.760.000
Công ty TNHH Hoá chất Ngọc Việt	745.290.766	745.290.766	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	1.696.296.029	1.696.296.029	401.963.853	401.963.853
	<u>3.634.097.804</u>	<u>3.634.097.804</u>	<u>4.142.593.816</u>	<u>4.142.593.816</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Đình Vũ	-	35.654.850
- Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Phước Lợi	199.386.945	-
- Người mua khác trả tiền trước	355.201.131	185.412.092
	<u>554.588.076</u>	<u>221.066.942</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		473.989.355		7.413.752.761		7.884.284.873		-			3.457.243
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	398.368.901		-		265.211.235		265.211.235		398.368.901			-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		3.272.252.672		5.027.315.806		5.472.252.672		-			2.827.315.806
Thuế Thu nhập cá nhân	-		307.368.799		409.275.782		492.699.934		-			223.944.647
Thuế Tài nguyên	-		-		2.837.250		2.837.250		-			-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		2.112.037.215		2.112.037.215		-			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		24.160.891		(14.253.333)		8.371.271		-			1.536.287
	398.368.901		4.077.771.718		15.216.176.715		16.237.694.450		398.368.901			3.056.253.983

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	831.535.183	1.711.077.491
- Chi phí phải trả khác	1.331.512.616	1.507.821.951
	2.163.047.799	3.218.899.442
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	67.499.206	90.063.137
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.289.331.862	2.953.999.997
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	82.192.500	83.513.500
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	66.000.000	39.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	657.500	24.610.656
	3.505.675.068	3.191.187.290
	3.131.176.562	2.824.205.227

18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	831.535.183	1.711.077.491
- Chi phí phải trả khác	1.331.512.616	1.507.821.951
	2.163.047.799	3.218.899.442
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	67.499.206	90.063.137
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.289.331.862	2.953.999.997
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	82.192.500	83.513.500
- Phải trả phụ cấp Hội đồng quản trị không tham gia điều hành	66.000.000	39.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	657.500	24.610.656
	3.505.675.068	3.191.187.290
	3.131.176.562	2.824.205.227

Trong đó: Phải trả khác với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

19 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (1)	-	-	2.732.600.000	-	2.732.600.000	-
	-	-	2.732.600.000	-	2.732.600.000	-
	-	-	2.732.600.000	-	2.732.600.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số LAV230050613/1702 ngày 28/06/2023 và Khế ước nhận nợ số 1702 - LDS - 230000569 ngày 28/06/2023 giữa Công ty và Ngân hàng Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Thanh toán hoá đơn mua nguyên vật liệu số 00000922 ngày 30/05/2023 và một phần phụ lục hợp đồng số 726/PLHĐ-TMC ngày 20/06/2023;
 - + Thời hạn của khế ước: 02 tháng từ ngày 28/06/2023 đến ngày 28/08/2023;
 - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.732.600.000 đồng;
 - + Hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	72.539.110.000	1.016.053.718			17.422.362.472	19.527.424.969	110.504.951.159		
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	17.461.803.452	17.461.803.452		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	9.125.909.836	(9.775.909.836)	(650.000.000)		
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2021	-	-	-	-	-	(2.901.564.400)	(2.901.564.400)		
Tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2022	-	-	-	-	-	(7.979.302.100)	(7.979.302.100)		
Số dư cuối kỳ trước	72.539.110.000	1.016.053.718			26.548.272.308	16.332.452.085	116.435.888.111		
Số dư đầu năm nay	72.539.110.000	1.016.053.718			26.548.272.308	25.302.362.351	125.405.798.377		
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	19.973.491.142	19.973.491.142		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	10.084.540.351	(10.794.540.351)	(710.000.000)		
Chi trả cổ tức lần 3 năm 2022 (*)	-	-	-	-	-	(7.253.911.000)	(7.253.911.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.854.317)	(2.854.317)		
Số dư cuối kỳ này	72.539.110.000	1.016.053.718			36.632.812.659	27.224.547.825	137.412.524.202		

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận trong kỳ như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	43.437.139.851
Trích Quỹ đầu tư phát triển	23,22%	10.084.540.351
Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,00%	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,63%	710.000.000
Chi trả cổ tức năm 2022 (bằng 35% vốn điều lệ). Trong đó:	58,45%	25.388.688.500
- Đã tạm ứng lần 1, trong tháng 6/2022: 11% (**)		7.979.302.100
- Đã tạm ứng lần 2, trong tháng 12/2022: 14% (***)		10.155.475.400
- Chi trả cổ tức năm 2022 lần 3: 10%		7.253.911.000
Lợi nhuận chưa phân phối	16,70%	7.253.911.000

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2022/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 1 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 11%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.100 đồng), tổng số tiền tạm ứng là 7.979.302.100 VND.

(***) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12/2022/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 11 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 2 bằng tiền mặt, tỷ lệ tạm ứng cổ tức 14%/cổ phần (1 cổ phần nhận được 1.400 đồng) tổng số tiền tạm ứng là 10.155.475.400 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
GP Batteries International Limited	49,00%	35.542.330.000	49,00%	35.542.330.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	3.643.500.000	5,02%	3.643.500.000
Các cổ đông khác	45,98%	33.353.280.000	45,98%	33.353.280.000
	100%	72.539.110.000	100%	72.539.110.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2023 VND	06 tháng đầu năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	72.539.110.000	72.539.110.000
- Vốn góp đầu kỳ	72.539.110.000	72.539.110.000
- Vốn góp cuối kỳ	72.539.110.000	72.539.110.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	83.513.500	12.371.088.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	7.253.911.000	10.880.866.500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	7.253.911.000	2.901.564.400
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	7.979.302.100
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(7.255.232.000)	(19.879.544.100)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(7.255.232.000)	(14.374.665.400)
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	(5.504.878.700)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	82.192.500	3.372.410.600

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	7.253.911	7.253.911
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	7.253.911
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.253.911	7.253.911
- Cổ phiếu phổ thông	7.253.911	7.253.911
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	36.632.812.659	26.548.272.308
	<u>36.632.812.659</u>	<u>26.548.272.308</u>

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hà Nội với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Bên cho thuê	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	UBND Thành phố Hà Nội	Số 7 ngõ 111 Phan Trọng Tuệ	4.490,4 m ²	50 năm
2	UBND Thành phố Hà Nội	Số 72 Phan Trọng Tuệ	34.665 m ²	Gia hạn từng năm

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	268.481,02	220.952,40

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số nợ khó đòi đã xử lý	372.373.344	372.373.344

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	184.542.934.626	181.655.577.499
Doanh thu bán hàng hóa	2.731.785.864	2.764.906.801
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	18.265.721.259	25.924.724.918
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.699.333.577	1.513.154.117
	<u>207.239.775.326</u>	<u>211.858.363.335</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 3.5)	<u>40.048.909.254</u>	<u>39.213.718.629</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.204.055.747	5.529.928.448
Hàng bán bị trả lại	56.771.293	67.983.600
	<u>3.260.827.040</u>	<u>5.597.912.048</u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	141.339.346.480	141.218.185.251
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.240.367.293	2.189.559.899
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	17.970.810.158	25.435.399.249
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	56.311.320	30.198.656
	<u>161.606.835.251</u>	<u>168.873.343.055</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:	<u>5.513.581.901</u>	<u>7.430.302.239</u>
Trong đó:		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	5.513.581.901	7.430.302.239

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.009.748.178	50.676.589
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	410.384.462	81.126.892
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	99.446.382	5.649.171
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.993.825
	<u>1.519.579.022</u>	<u>145.446.477</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	153.142.840
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	3.001.363.161	3.423.376.944
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	569.163.353	567.969.795
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.000.000.000	(1.025.000.000)
	<u>4.570.526.514</u>	<u>3.119.489.579</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	764.261.942	492.706.193
Chi phí nhân công	2.588.205.675	2.542.119.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.463.872	136.599.050
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.278.353.110	827.195.498
Chi phí khác bằng tiền	730.434.259	782.623.233
	5.434.718.858	4.781.243.848

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	93.248.283	92.734.736
Chi phí nhân công	4.697.815.417	4.178.504.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.119.136	87.119.136
Thuế, phí, lệ phí	2.115.037.215	1.514.026.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	12.595.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	655.146.416	473.404.514
Chi phí khác bằng tiền	1.566.644.943	1.416.705.187
	9.215.011.410	7.775.089.631

29 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ tiền bồi thường	307.636.838	-
Thu nhập khác	24.034.666	240.000
	331.671.504	240.000
Trong đó: Thu nhập khác đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	307.636.838	-

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.000.806.948	21.856.871.651
Các khoản điều chỉnh tăng	247.654.071	118.469.344
- Chi phí không hợp lệ	247.654.071	116.233.886
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	2.235.458
Các khoản điều chỉnh giảm	(111.881.987)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(111.881.987)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	25.136.579.032	21.975.340.995
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.027.315.806	4.395.068.199
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	3.272.252.672	1.310.633.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(5.472.252.672)	(2.060.633.695)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.827.315.806	3.645.068.199

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	19.973.491.142	17.461.803.452
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	19.973.491.142	17.461.803.452
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	7.253.911	7.253.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.753</u>	<u>2.407</u>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.409.580.076	130.026.191.415
Chi phí nhân công	23.305.155.608	21.947.598.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.070.542.310	2.945.348.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.673.411.223	3.269.725.784
Chi phí khác bằng tiền	6.892.788.627	3.499.622.427
	<u>187.351.477.844</u>	<u>161.688.486.591</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Tiền	9.712.025.784	-	-	9.712.025.784
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.948.406.765	20.000.000	-	14.968.406.765
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
	<u>49.660.432.549</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>49.680.432.549</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	14.870.439.549	-	-	14.870.439.549
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.624.738.186	20.000.000	-	19.644.738.186
Các khoản cho vay	10.026.739.726	-	-	10.026.739.726
	<u>44.521.917.461</u>	<u>20.000.000</u>	<u>-</u>	<u>44.541.917.461</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2023				
Vay và nợ	2.732.600.000	-	-	2.732.600.000
Phải trả người bán, phải trả khác	7.139.772.872	-	-	7.139.772.872
Chi phí phải trả	2.163.047.799	-	-	2.163.047.799
	<u>12.035.420.671</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.035.420.671</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.333.781.106	-	-	7.333.781.106
Chi phí phải trả	3.218.899.442	-	-	3.218.899.442
	<u>10.552.680.547</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.552.680.547</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch hoặc số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	<u>Mối quan hệ</u>
GP Batteries International Limited Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể Bà Quek Guet Ngoh, ông Nguyễn Thanh Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty và ông Võ Khánh Toàn - Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc của Công ty đồng thời là các Ủy viên Hội đồng thành viên của Công ty này
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GPI International (Shenzhen) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	Công ty cùng Tập đoàn
Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	06 tháng đầu năm 2023	06 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Doanh thu	40.048.909.254	39.213.718.629
GPI International Limited	17.522.797.248	15.243.322.650
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	16.663.792.360	23.970.395.979
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	5.862.319.646	-
Mua hàng	5.513.581.901	7.430.302.239
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	4.078.430.000	6.563.016.209
GPI International (Shenzhen) Limited	1.435.151.901	867.286.030
Thu nhập khác	307.636.838	-
GP Battery Marketing (Hong Kong) Limited	307.636.838	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Phải trả nhận ký quỹ, ký cược	3.131.176.562	2.824.205.227
Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam)	3.131.176.562	2.824.205.227
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:	<u>06 tháng đầu năm 2023</u>	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và người quản lý khác của Công ty:	1.095.078.942	980.560.284
Ông Phạm Văn Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	84.444.443	118.888.886
Ông Nguyễn Thanh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc	302.724.995	277.845.463
Ông Nguyễn Cao Sơn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	239.278.126	211.159.066
Ông Võ Khánh Toàn - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc	243.844.779	216.904.310
Ông Nguyễn Thanh Quang - Thành viên Hội đồng quản trị Miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2022	170.911.598	155.762.559
Ông Lam Hìn Lap Michael - Thành viên Hội đồng quản trị	42.375.000	-
Bà Quek Guet Nghoh - Thành viên Hội đồng quản trị	11.500.000	-
Thù lao và chi phí hoạt động khác của Ban kiểm soát	281.641.974	212.380.316
Bà Nguyễn Thanh Hải - Trưởng Ban kiểm soát	47.888.889	49.111.111
Ông Nguyễn Thanh Đức - Thành viên Ban kiểm soát	166.919.751	149.046.983
Ông Huỳnh Tín Đình - Thành viên Ban kiểm soát	66.833.334	14.222.222

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.





Đỗ Thị Lê Mai
Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2023